CPAVIETNAM

Qualified Services
with Global
Understanding and Vision

INPACT MEMBER

Local Expertise
International Presence

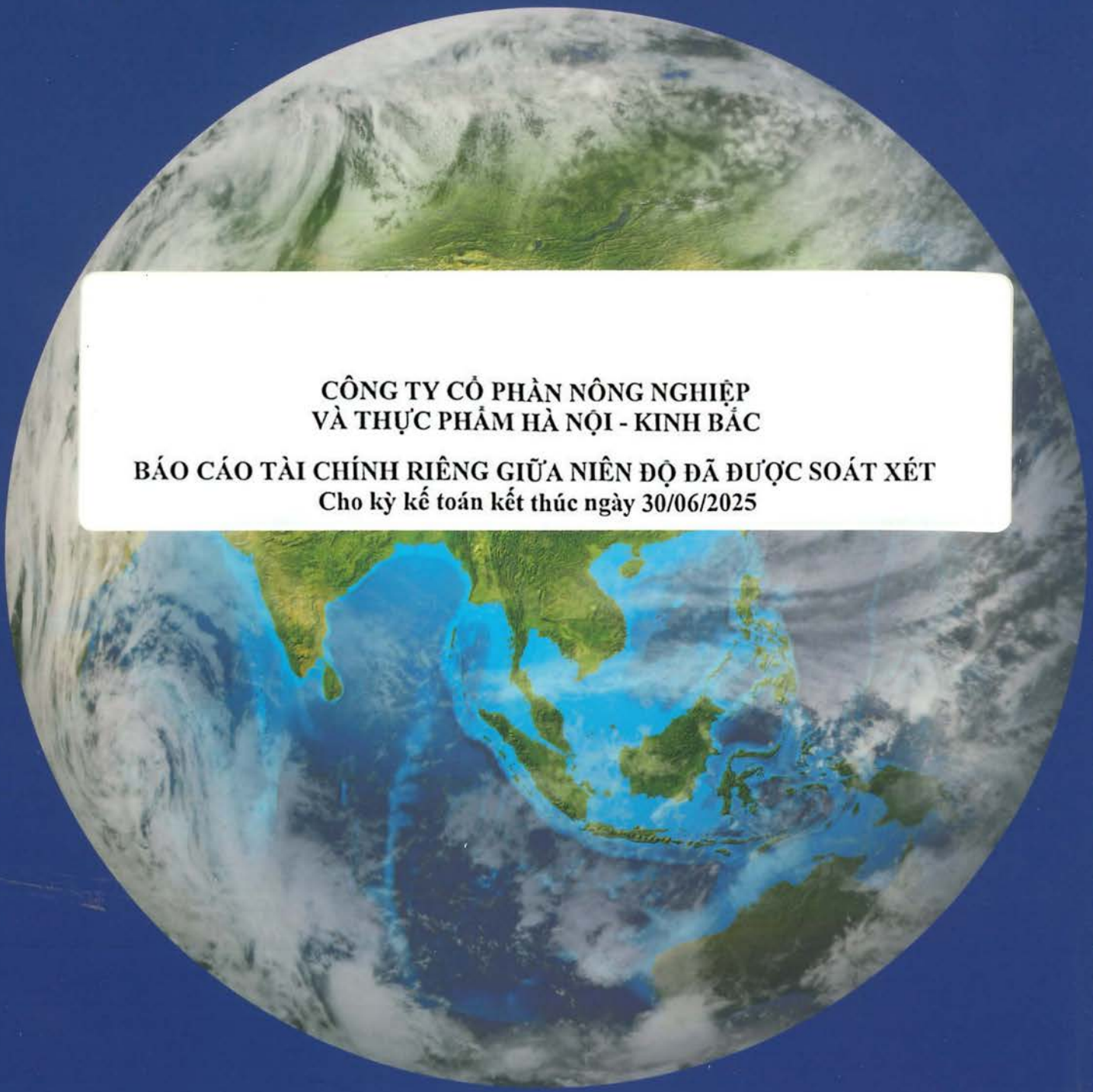

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

Head Office in Hanoi: 8th floor, VG Building,
No. 235 Nguyen Trai Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi, Vietnam

+84 (24) 3 783 2121
+84 (24) 3 783 2122

info@cpavietnam.vn
www.cpavietnam.vn

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC
Date: 2025.08.20 17:41:50 +07'00'

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Hà Nội - Kinh Bắc, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104246382 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09/11/2009, đăng ký kinh doanh thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 16 ngày 22/08/2018.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 16 ngày 22/08/2018, vốn điều lệ của Công ty là: 515.999.990.000 đồng *(Bằng chữ: Năm trăm mười lăm tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng)*.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Hanoi - Kinhbac Agriculture and Food Joint Stock Company.

Tên viết tắt: Hanoi-Kinhbac Agrifood., JSC.

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch tại sàn UpCOM với mã chứng khoán: HKB. Cổ phiếu của Công ty bị hạn chế giao dịch theo Thông báo số 1235/TB-SGDHN ngày 04/04/2023 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Địa chỉ Văn phòng giao dịch: Tầng 2 tòa A4, Số 232, Đường Phạm Văn Đồng, Phường Phú Diễn, Thành Phố Hà Nội.

Địa chỉ Trụ sở chính: Số 08, Lô TT-03, Khu đô thị Hải Đăng City, Ngõ 2 Phố Hàm Nghi, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc trong kỳ và cho đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Dương Quang Lư	Chủ tịch
Ông Trương Danh Hùng	Thành viên
Bà Nguyễn Phương Anh	Thành viên độc lập
Ông Đỗ Dương Thông	Thành viên độc lập
Ông Hoàng Tuấn Anh	Thành viên độc lập

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Vân	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Hải An	Thành viên
Ông Phạm Anh Quân	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Dương Quang Lư	Tổng Giám đốc
Ông Trương Danh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Uông Huy Đông	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ để Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC

Dương Quang Lư
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2025

CPA VIETNAM
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Trụ sở chính TP. Hà Nội:
Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building,
Số 235 Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.
+84 (24) 3 783 2121 info@cpavietnam.vn
+84 (24) 3 783 2122 www.cpavietnam.vn

INPACT MEMBER

Số: 199/2025/BCSX-CPA VIETNAM-NV1

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc được lập ngày 14 tháng 8 năm 2025, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Tuy nhiên, do các vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.11 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, tại ngày 30/06/2025 Công ty đã ghi nhận các khoản đầu tư vào Công ty con của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐQT ngày 05/10/2016 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc thực hiện đầu tư tài chính dài hạn vào hai Công ty con là Công ty Cổ phần Nông nghiệp Lumex Việt Nam và Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hưng Lộc Phát Gia Lai với số tiền đầu tư tương ứng là 354.000.000.000 đồng và 80.000.000.000 đồng. Tổng giá gốc các khoản đầu tư này là 434.000.000.000 đồng, chiếm 76,39% tổng tài sản của Công ty tại ngày 30/06/2025 (chiếm 76,11% tổng tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2024). Công ty Cổ phần Nông nghiệp Lumex Việt Nam và Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hưng Lộc Phát Gia Lai không phát sinh doanh thu trong năm 2018 - 2024 và kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục soát xét, nhưng vẫn không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng hợp lý về khả năng thu hồi của các khoản đầu tư này tại thời điểm 30/06/2025. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra kết luận về khả năng thu hồi của các khoản đầu tư này tại thời điểm 30/06/2025 cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đối với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 của Công ty.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.4 Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, khoản tạm ứng của Ông Nguyễn Chí Đặng tại ngày 30/06/2025 là 4.034.402.737 đồng, phát sinh từ năm 2016. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp về sự hiện hữu và khả năng thu hồi của khoản tạm ứng này tại ngày 30/06/2025 và 31/12/2024. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.7 Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, giá trị hàng tồn kho bị thiếu so với sổ sách kế toán chưa được xử lý đến ngày 30/06/2025 là 1.776.806.381 đồng (tại ngày 31/12/2024 là 1.776.806.381 đồng), Công ty chưa xác định được nguyên nhân thiếu hàng tồn kho và chưa có điều chỉnh cần thiết nào về giá trị hàng tồn kho thiếu tại ngày 30/06/2025 trên. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp để đưa ra kết luận về giá trị hàng tồn kho bị thiếu so với sổ sách kế toán chưa được xử lý nêu trên, cũng như ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 của Công ty.

Như đã trình bày tại Mục 4 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, tại ngày 30/06/2025, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền 156.334.923.734 đồng, trong đó, nợ quá hạn là 83.861.754.670 đồng. Trong kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, Công ty có kết quả kinh doanh riêng lỗ với số tiền là 6.298.923.058 đồng. Công ty đang chịu một khoản lỗ lũy kế đến ngày 30/06/2025 là 144.695.668.016 đồng. Những điều kiện này, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục nhưng chúng tôi không thu thập được bằng chứng thích hợp về tính khả thi về kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc nhằm duy trì khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Từ chối đưa ra kết luận

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Vấn đề khác

Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty kiêm Tổng Giám đốc là chưa phù hợp với quy định về quản trị Công ty đại chúng.

M.S.D.N: 0101917017 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI - VIỆT NAM

Phan Thanh Nam
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán 1009-2023-137-1
Giấy Ủy quyền số: 02/2025/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐTV
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT
Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+130+140+150)	**100**		**12.818.267.427**	**12.093.584.901**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5.1**	**662.751.716**	**185.289.444**
1. Tiền	111		662.751.716	185.289.444
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**11.225.648.082**	**10.979.285.129**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	77.990.853.927	77.984.853.927
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	1.982.293.531	2.031.973.531
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	9.816.625.982	9.526.583.029
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(79.246.767.358)	(79.246.767.358)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.6	682.642.000	682.642.000
III. Hàng tồn kho	**140**	**5.7**	**23.000.000**	**23.000.000**
1. Hàng tồn kho	141		1.799.806.381	1.799.806.381
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.776.806.381)	(1.776.806.381)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**906.867.629**	**906.010.328**
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		906.867.629	906.010.328
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+240+250+260)	**200**		**555.294.440.808**	**558.151.820.691**
I. Tài sản cố định	**220**		**79.660.116.988**	**82.225.404.064**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.12	72.512.116.988	75.077.404.064
- Nguyên giá	*222*		*112.897.797.385*	*112.897.797.385*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(40.385.680.397)*	*(37.820.393.321)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	7.148.000.000	7.148.000.000
- Nguyên giá	*228*		*7.148.000.000*	*7.148.000.000*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		-	-
II. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**4.461.722.727**	**4.461.722.727**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	4.461.722.727	4.461.722.727
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**5.11**	**462.000.000.000**	**462.000.000.000**
1. Đầu tư vào công ty con	251		434.000.000.000	434.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		28.000.000.000	28.000.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	**260**		**9.172.601.093**	**9.464.693.900**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	9.172.601.093	9.464.693.900
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	**270**		**568.112.708.235**	**570.245.405.592**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

	NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
C-	**NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)**	**300**		**181.291.481.284**	**177.125.255.583**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**169.153.191.161**	**163.791.735.535**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	13.981.700.999	14.048.391.649
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	5.584.055.979	5.696.009.191
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.17	186.172.519	50.435.098
4.	Phải trả người lao động	314		3.595.913.255	3.473.778.055
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	61.310.220.060	56.068.860.393
6.	Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	226.168.679	185.301.479
7.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	84.091.754.670	84.091.754.670
8.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		177.205.000	177.205.000
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**12.138.290.123**	**13.333.520.048**
1.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.14	12.138.290.123	13.333.520.048
D-	**VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)**	**400**		**386.821.226.951**	**393.120.150.009**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**5.19**	**386.821.226.951**	**393.120.150.009**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		515.999.990.000	515.999.990.000
-	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*515.999.990.000*	*515.999.990.000*
2.	Quỹ đầu tư phát triển	418		15.516.904.967	15.516.904.967
3.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(144.695.668.016)	(138.396.744.958)
-	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*	*421a*		*(138.396.744.958)*	*(125.686.179.703)*
-	*LNST chưa phân phối kỳ này*	*421b*		*(6.298.923.058)*	*(12.710.565.255)*
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	**440**		**568.112.708.235**	**570.245.405.592**

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Trịnh Thị Diễm	Trịnh Thị Diễm	Dương Quang Lư

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

	CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	3.222.301.871	2.987.719.462
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		3.222.301.871	2.987.719.462
4.	Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.931.802.532	1.928.540.788
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)**	**20**		**1.290.499.339**	**1.059.178.674**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	192.368	592.231
7.	Chi phí tài chính	22	6.4	5.241.359.667	5.348.047.166
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*5.241.359.667*	*5.348.047.166*
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	2.249.984.219	2.002.455.233
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}**	**30**		**(6.200.652.179)**	**(6.290.731.494)**
11.	Thu nhập khác	31	6.6	27.213	400.000
12.	Chi phí khác	32	6.6	98.298.092	39.787.761
13.	**Lợi nhuận khác (40 = 31-32)**	**40**	6.6	**(98.270.879)**	**(39.387.761)**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)**	**50**		**(6.298.923.058)**	**(6.330.119.255)**
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	-	-
16.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)**	**60**		**(6.298.923.058)**	**(6.330.119.255)**

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Trịnh Thị Diễm	Trịnh Thị Diễm	Dương Quang Lư

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	*01*		*(6.298.923.058)*	*(6.330.119.255)*
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.565.287.076	2.625.111.477
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(192.368)	(592.231)
- Chi phí lãi vay	06		5.241.359.667	5.348.047.166
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	*08*		*1.507.531.317*	*1.642.447.157*
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(247.220.254)	(521.953.765)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		120.095.959	(626.170.369)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		292.092.807	342.716.904
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	*20*		*1.672.499.829*	*837.039.927*
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		192.368	592.231
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	*30*		*192.368*	*592.231*
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.195.229.925)	(355.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	*40*		*(1.195.229.925)*	*(355.000.000)*
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	**50**		**477.462.272**	**482.632.158**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**5.1**	**185.289.444**	**932.739.671**
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60)	**70**	**5.1**	**662.751.716**	**1.415.371.829**

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Trịnh Thị Diễm	Trịnh Thị Diễm	Dương Quang Lư

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc tiền thân là Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Hà Nội - Kinh Bắc, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104246382 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09/11/2009, đăng ký kinh doanh thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 16 ngày 22/08/2018.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh thay đổi lần thứ 16 ngày 22/08/2018, vốn điều lệ của Công ty là: 515.999.990.000 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm mười lăm tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Hanoi - Kinhbac Agriculture and Food Joint Stock Company.

Tên viết tắt: Hanoi-Kinhbac Agrifood., JSC.

Địa chỉ Văn phòng giao dịch: Tầng 2 tòa A4, Số 232, Đường Phạm Văn Đồng, Phường Phú Diễn, Thành Phố Hà Nội.

Địa chỉ Trụ sở chính: Số 08, Lô TT-03, Khu đô thị Hải Đăng City, Ngõ 2 Phố Hàm Nghi, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch tại sàn UpCOM với mã chứng khoán: HKB. Cổ phiếu của Công ty bị hạn chế giao dịch theo thông báo số 1235/TB-SGDHN ngày 04/04/2023 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2025 là 5 người (tại ngày 31/12/2024 là 7 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Bán buôn gạo;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh, chi tiết: Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt , thủy sản, rau, quả , đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột , thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh: cà phê bột, cà phê hoà tan, chè, hạt đậu đen, hạt đậu xanh, hạt đậu tương;
- Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật;
- Bán buôn thực phẩm, chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản , rau, quả , cà phê , chè , đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột ,thực phẩm khác,trứng và sản phẩm từ trứng, dầu, mỡ động thực vật, hạt tiêu, gia vị khác,thức ăn cho động vật cảnh;
- Xay xát và sản xuất bột thô; Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản; Chế biến và bảo quản rau quả; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Đúc sắt, thép; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kinh doanh bất động sản); Khai thác muối;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: Dịch vụ khách sạn; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại quí hiếm; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa; Sản xuất sản phẩm từ plastic, chi tiết: Sản xuất bao bì từ plastic;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn riêng; Bán buôn đồ uống; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến, xi măng , gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi , kính xây dựng , sơn, véc ni , gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh , đồ ngũ kim , vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: - Bán buôn keo hóa học; - Bán buôn nhang, hương và các chế phẩm có mùi thơm khi đốt cháy; - Bán buôn phân bón ;
- Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón
- Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác gỗ (Trừ loại Nhà nước cấm)
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh, chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất hoá chất cơ bản
- Đại lý, môi giới, đấu giá, chi tiết: - Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá; - Môi giới thương mại;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, chi tiết: - Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa; - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: - Sản xuất keo hồ và các chất đã được pha chế; - Sản xuất hương các loại;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống, chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác : hạt đậu đen, hạt đậu xanh, hạt đậu tương, thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thuỷ sản, nông, lâm sản nguyên liệu khác : bán buôn hạt, quả có dầu, sắn lát;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu, c hi tiết: Rang và lọc cà phê; Sản xuất các sản phẩm cà phê như: cà phê hoà tan, cà phê lọc, chiết xuất cà phê và cà phê cô đặc; Sản xuất các chất thay thế cà phê; Trộn chè và chất phụ gia; Sản xuất chiết suất và chế phẩm từ chè hoặc đồ pha kèm; Các chế phẩm khác từ thóc;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp; Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác; Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Khai thác mỏ và khai thác khoáng chất và nguyên liệu khác chưa được phân vào đâu như: Nguyên liệu làm đá mài, đá quý, các khoáng chất, grafít tự nhiên, và các chất phụ gia khác, Đá quý, bột thạch anh, mica;
- Khai thác lâm sản khác trừ gỗ (Trừ loại Nhà nước cấm)
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất sản phẩm chịu lửa;
- Đúc kim loại màu;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất bao bì bằng gỗ; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao./.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Kinh doanh nông sản và cho thuê kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2025, Công ty có các Công ty con và đơn vị trực thuộc như sau:

STT	Tên đơn vị	Trụ sở	Tỷ lệ vốn góp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính	Thông tin khác
Công ty con sở hữu trực tiếp						
1	Công ty CP Nông nghiệp Hưng Lộc Phát Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	88,89%	88,89%	Sản xuất, trồng trọt, bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa); và động vật sống	Hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5901023354 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 01/12/2015. Vốn điều lệ: 90.000.000.000 đồng
2	Công ty CP Nông nghiệp Lumex Việt Nam	Hà Nội, Việt Nam	83,42%	83,42%	Sản xuất phân bón và hợp chất Ni-tơ	Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105740851, đăng ký lần đầu ngày 19/12/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Vốn điều lệ: 410.000.000.000 đồng
Công ty con sở hữu gián tiếp						
1	Công ty CP Thương Mại - Xuất nhập khẩu Tấn Hưng	Hà Nội, Việt Nam	70,33%	83,33%	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa); và động vật sống	Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0307863126, đăng ký lần đầu ngày 31/03/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng
Đơn vị trực thuộc						
1	Chi nhánh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam				

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập trên cơ sở tổng hợp số liệu của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Đây là Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con, người sử dụng nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Giả định về hoạt động liên tục

Tại ngày 30/06/2025, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền 156.334.923.734 đồng, trong đó, nợ quá hạn là 83.861.754.670 đồng. Trong kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, Công ty có kết quả kinh doanh riêng lỗ với số tiền là 6.298.923.058 đồng. Công ty đang chịu một khoản lỗ lũy kế đến ngày 30/06/2025 là 144.695.668.016 đồng. Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá vấn đề này và xây dựng Phương án khắc phục, bao gồm:

- Tìm kiếm đối tác để hợp tác (thuê mái nhà kho) để làm dự án điện mặt trời áp mái tại 2 kho có địa chỉ thửa đất Lô 1.5.2 KCN Nhơn Hòa thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định, diện tích 19.968 m2, thời gian sử dụng đến 17/07/2059; Lô 2.5.1 KCN Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định, diện tích 15.505,34 m2, thời gian sử dụng đến 17/07/2059.
- Tìm kiếm các đối tác trong và ngoài nước để triển khai dự án điện năng lượng mặt trời trên một phần diện tích 546 ha đất tại tiểu khu 228 xã Ea Bung, huyện Ea Sup, tỉnh Đăk Lăk và dự án trồng rừng kết hợp nông lâm.
- Đàm phán gia hạn thanh toán các khoản công nợ vay cá nhân.

Ban Tổng Giám đốc tin tưởng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động tối thiểu trong 12 tháng tới. Theo đó, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập trên giả định hoạt động liên tục. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể phát sinh từ kết quả của sự kiện trên.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty con và đầu tư khác

Đầu tư vào Công ty con: Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	15 - 50
Máy móc và thiết bị	06 - 20
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 15

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê từ 23 đến 38 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm cả các khoản phải trả gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty và Công ty liên doanh, liên kết.
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay phải trả: Trích trước theo hợp đồng vay.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh nông sản, cho thuê kho và trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	58.757.571	74.715.688
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	603.994.145	110.573.756
Tổng	**662.751.716**	**185.289.444**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

5.2 Phải thu của khách hàng

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	**77.990.853.927**	**77.984.853.927**
Công ty TNHH MTV Thuận Thành Công Gia Lai	54.001.229.781	54.001.229.781
Công ty TNHH đầu tư và thương mại Hưng Thịnh An	20.079.000.000	20.079.000.000
Các đối tượng khác	3.910.624.146	3.904.624.146
Tổng	**77.990.853.927**	**77.984.853.927**
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	***470.016.100***	***470.016.100***

(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.1)

5.3 Trả trước cho người bán

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Trả trước người bán ngắn hạn	**1.982.293.531**	**2.031.973.531**
Công ty CP Sapa Thale Holding	900.000.000	900.000.000
Công ty CP ĐTSX và KDTM Hoàng Dũng	599.400.000	599.400.000
Công ty CP Xây dựng số 9	122.930.435	122.930.435
Doanh nghiệp tư nhân Phước Toàn	109.599.096	109.599.096
Đối tượng khác	250.364.000	300.044.000
Tổng	**1.982.293.531**	**2.031.973.531**

5.4 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	**9.816.625.982**	-	**9.526.583.029**	-
Tạm ứng (*)	4.618.090.767	-	4.595.090.767	-
Các khoản khác	5.198.535.215	-	4.931.492.262	-
Tổng	**9.816.625.982**	-	**9.526.583.029**	-
Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan	***5.146.535.215***		***4.879.492.262***	

(Chi tiết tại thuyết minh 7.1)

(*) Trong đó, có số dư khoản tạm ứng của ông Nguyễn Chí Đặng trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là 4.034.402.737 đồng, phát sinh từ 2016 chưa được hoàn ứng.

5.5 Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Phải thu khách hàng	77.514.837.827	-	77.514.837.827	-
- Trả trước cho người bán	1.731.929.531	-	1.731.929.531	-
Tổng	**79.246.767.358**	**-**	**79.246.767.358**	**-**

Tên công ty	Quá hạn trên 3 năm
Công ty TNHH MTV Thuận Thành Công Gia Lai	54.001.229.781
Công ty TNHH Đầu tư và Thương Mại Hưng Thịnh An	20.079.000.000
Công ty TNHH Bích Hồng	3.090.492.400
Công ty TNHH Lê Hoàng Minh	281.115.646
Hộ kinh doanh Ngọc Phương Nam	63.000.000
Công ty CP ĐTSX và KDTM Hoàng Dũng	599.400.000
DNTN Phước Toàn	109.599.096
Công ty cổ phần SapaThale Holding	900.000.000
Công ty Cổ phần xây dựng số 9	122.930.435
Tổng	**79.246.767.358**

5.6 Tài sản thiếu chờ xử lý

	30/06/2025		01/01/2025	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Hệ thống phòng cháy chữa cháy	1	682.642.000	1	682.642.000
Tổng		**682.642.000**		**682.642.000**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

5.7 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	942.091.261	(942.091.261)	942.091.261	(942.091.261)
Công cụ, dụng cụ	23.000.000	-	23.000.000	-
Thành phẩm	8.565.242	(8.565.242)	8.565.242	(8.565.242)
Hàng hoá	826.149.878	(826.149.878)	826.149.878	(826.149.878)
Tổng	**1.799.806.381**	**(1.776.806.381)**	**1.799.806.381**	**(1.776.806.381)**

Giá trị hàng tồn kho theo kiểm kê thực tế tại ngày 30/06/2025 là 23.000.000 đồng, giá trị hàng tồn kho không có trong kiểm kê tại ngày 30/06/2025 là 1.776.806.381 đồng. Công ty chưa xác định được nguyên nhân thiếu hàng tồn kho trên.

5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Dây chuyền sản xuất tiêu (i)	4.461.722.727	4.461.722.727
Tổng	**4.461.722.727**	**4.461.722.727**

5.9 Chi phí trả trước

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Dài hạn	**9.172.601.093**	**9.464.693.900**
Tiền thuê đất (*)	9.013.769.449	9.260.342.396
Chi phí sửa chữa hệ thống bơm chữa cháy lô D2,5,1	125.803.507	163.601.504
Chi phí trả trước khác	33.028.137	40.750.000
Tổng	**9.172.601.093**	**9.464.693.900**

(*) Gồm 2 thửa đất: Thửa đất Lô 1.5.2 KCN Nhơn Hòa thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định, diện tích 19.968 m2, thời gian sử dụng đến 17/07/2059 và thửa đất Lô 2.5.1 KCN Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định, diện tích 15.505,34 m2, thời gian sử dụng đến 17/07/2059.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

5.10 Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2025	**7.148.000.000**	**7.148.000.000**
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/06/2025	**7.148.000.000**	**7.148.000.000**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2025	-	-
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/06/2025	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại 01/01/2025	**7.148.000.000**	**7.148.000.000**
Số dư tại 30/06/2025	**7.148.000.000**	**7.148.000.000**

Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 67, bản đồ số 26, địa chỉ: Làng Ring 2, xã H'Bông, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai, diện tích 28.413,8 m2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 787937, đang dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay Ông Phạm Anh Tuấn.

Giá trị còn lại của Tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay Ông Phạm Anh Tuấn tại ngày 30/06/2025: 7.148.000.000 đồng (tại ngày 31/12/2024: 7.148.000.000 đồng).

5.11 Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị tính: VND

	30/06/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a) Đầu tư vào Công ty con	**434.000.000.000**	(*)	-	**434.000.000.000**	(*)	-
Công ty CP Nông nghiệp Lumex Việt Nam (i)	354.000.000.000		-	354.000.000.000		-
Công ty CP Nông nghiệp Hưng Lộc Phát Gia Lai (ii)	80.000.000.000		-	80.000.000.000		-
b) Đầu tư vào đơn vị khác	**28.000.000.000**	(*)	-	**28.000.000.000**	(*)	-
Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Tân Cường	28.000.000.000		-	28.000.000.000		-
Tổng	**462.000.000.000**		-	**462.000.000.000**		-

(*) Các khoản đầu tư của Công ty chưa niêm yết nên chưa xác định được giá trị hợp lý, Chế độ kế toán Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý dựa trên các phương pháp định giá. Giá trị hợp lý có thể khác với giá ghi sổ.

Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐQT ngày 05/10/2016 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc thực hiện đầu tư tài chính dài hạn vào hai Công ty con gồm:

(i) Đầu tư vào Công ty Cổ phần Nông nghiệp Lumex Việt Nam với số tiền 354.000.000.000 đồng (chiếm tỷ lệ 83,42% Vốn Điều lệ Công ty con);

(ii) Đầu tư vào Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hưng Lộc Phát Gia Lai với số tiền 80.000.000.000 đồng (chiếm tỷ lệ 88,89% Vốn Điều lệ Công ty con);

Cụ thể:

- Năm 2016, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Lumex Việt Nam dùng toàn bộ số vốn điều lệ 410 tỷ đồng để mua 3.416.666 cổ phần của các cổ đông hiện hữu tại Công ty Cổ phần Thương mại - Xuất nhập khẩu Tấn Hưng với giá mua 120.000 đồng/Cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần và chiếm 68,33% vốn điều lệ.
- Năm 2016 Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hưng Lộc Phát Gia Lai dùng toàn bộ số vốn điều lệ 90 tỷ đồng để mua 750.000 cổ phần của các cổ đông hiện hữu tại Công ty Cổ phần Thương mại - Xuất nhập khẩu Tấn Hưng với giá mua 120.000 đồng/Cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần và chiếm 15,00% vốn điều lệ.
- Công ty Cổ phần Thương mại - Xuất nhập khẩu Tấn Hưng có vốn điều lệ là 50 tỷ đồng. Công ty thực hiện tạm ứng bằng tiền mặt cho Ông Phạm Thanh Bình - Nguyên Giám đốc Công ty theo Phiếu chi số PC00011 ngày 01/12/2016 số tiền 47.634.000.000 đồng. Tại thời điểm 30/06/2025, khoản mục tạm ứng trên chưa được hoàn nhập với giá trị 47.584.000.000 đồng.

5.12 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2025	**98.548.988.591**	**7.602.169.934**	**3.746.829.814**	**116.320.000**	**2.883.489.046**	**112.897.797.385**
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2025	**98.548.988.591**	**7.602.169.934**	**3.746.829.814**	**116.320.000**	**2.883.489.046**	**112.897.797.385**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2025	**28.871.498.691**	**4.032.718.478**	**2.701.316.848**	**116.320.000**	**2.098.539.304**	**37.820.393.321**
Tăng trong kỳ	**2.121.128.274**	**257.253.810**	**90.788.688**	-	**96.116.304**	**2.565.287.076**
Khấu hao trong kỳ	2.121.128.274	257.253.810	90.788.688	-	96.116.304	2.565.287.076
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2025	**30.992.626.965**	**4.289.972.288**	**2.792.105.536**	**116.320.000**	**2.194.655.608**	**40.385.680.397**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại 01/01/2025	**69.677.489.900**	**3.569.451.456**	**1.045.512.966**	-	**784.949.742**	**75.077.404.064**
Số dư tại 30/06/2025	**67.556.361.626**	**3.312.197.646**	**954.724.278**	-	**688.833.438**	**72.512.116.988**

Giá trị còn lại của Tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 30/06/2025: 71.249.224.167 đồng (tại ngày 31/12/2024: 73.762.857.610 đồng).

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2025: 2.487.795.090 đồng (Tại ngày 31/12/2024: 1.417.288.830 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

5.13 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	**13.981.700.999**	**13.981.700.999**	**14.048.391.649**	**14.048.391.649**
Công ty CP Đầu tư hạ tầng KCN Nhơn Hòa	3.057.567.076	3.057.567.076	3.158.387.877	3.158.387.877
Công ty CP Xây Dựng Thương Mại và XNK Tổng Hợp	1.701.200.000	1.701.200.000	1.701.200.000	1.701.200.000
Công ty TNHH một thành viên Cơ khí xây dựng Minh Thuận	2.118.705.600	2.118.705.600	2.118.705.600	2.118.705.600
Công ty CP cơ khí và xây dựng Quang Trung	1.823.809.250	1.823.809.250	1.823.809.250	1.823.809.250
Ngô Đặng Tuấn	1.320.000.000	1.320.000.000	1.320.000.000	1.320.000.000
Đối tượng khác	3.960.419.073	3.960.419.073	3.926.288.922	3.926.288.922
Tổng	**13.981.700.999**	**13.981.700.999**	**14.048.391.649**	**14.048.391.649**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

5.14 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	30/06/2025		Phát sinh trong kỳ		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	**84.091.754.670**	**84.091.754.670**	-	-	**84.091.754.670**	**84.091.754.670**
Ông Phạm Anh Tuấn (i)	83.861.754.670	83.861.754.670	-	-	83.861.754.670	83.861.754.670
Bà Nguyễn Thị Huyền	20.000.000	20.000.000	-	-	20.000.000	20.000.000
Ông Tăng Tuấn Cường	200.000.000	200.000.000	-	-	200.000.000	200.000.000
Bà Bùi Thùy Anh	10.000.000	10.000.000	-	-	10.000.000	10.000.000
Vay dài hạn	**12.138.290.123**	**12.138.290.123**	-	**1.195.229.925**	**13.333.520.048**	**13.333.520.048**
Ông Dương Quang Lư (ii)	12.138.290.123	12.138.290.123	-	1.195.229.925	13.333.520.048	13.333.520.048
Tổng	**96.230.044.793**	**96.230.044.793**	-	**1.195.229.925**	**97.425.274.718**	**97.425.274.718**
Trong đó vay các bên liên quan	***12.138.290.123***	***12.138.290.123***	-	***1.195.229.925***	***13.333.520.048***	***13.333.520.048***
(Chi tiết tại thuyết minh 7.1)						

(i) Hợp đồng vay kiêm bảo đảm tài sản có lãi suất vay theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay đến 04/04/2018.

(ii) Hợp đồng vay tiền số 26.04/ĐHVVCN/HKB-DL/2021 ngày 26/04/2021 của Ông Dương Quang Lư, lãi suất 0%.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

5.15 Người mua trả tiền trước

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	**5.584.055.979**	**5.696.009.191**
Jameel International	1.209.778.431	1.209.778.431
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Trung Nhân	532.000.000	656.538.896
Công ty CP BLEU SOLEI	531.000.000	531.000.000
Saud Sroor Jaber Business Eagent Kuwait	511.018.469	511.018.469
M/S, Karm Allouz Trading Est	467.014.395	467.014.395
Maac International	348.516.810	348.516.810
Công ty TNHH Xây lắp SKYLAR2	346.000.000	346.000.000
Công ty TNHH Thương mại SKYLAR3	346.000.000	346.000.000
Diamond Food Industry Co	332.777.115	332.777.115
Đối tượng khác	959.950.759	947.365.075
Tổng	**5.584.055.979**	**5.696.009.191**

5.16 Chi phí phải trả

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	**61.310.220.060**	**56.068.860.393**
Chi phí lãi vay phải trả	61.310.220.060	56.068.860.393
Tổng	**61.310.220.060**	**56.068.860.393**

5.17 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2025
Phải nộp	**50.435.098**	**307.626.722**	**171.889.301**	**186.172.519**
Thuế giá trị gia tăng	45.435.103	285.985.701	146.359.396	185.061.408
Thuế thu nhập cá nhân	4.999.995	16.641.021	20.529.905	1.111.111
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-

5.18 Phải trả khác

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	**226.168.679**	**185.301.479**
Bảo hiểm xã hội	155.150.010	122.583.960
Bảo hiểm y tế	27.328.842	21.581.892
Bảo hiểm thất nghiệp	12.136.105	9.581.905
Các khoản phải trả khác	31.553.722	31.553.722
Tổng	**226.168.679**	**185.301.479**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

5.19 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2024	**515.999.990.000**	**15.516.904.967**	**(125.686.179.703)**	**405.830.715.264**
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	**(12.710.565.255)**	**(12.710.565.255)**
Lỗ trong năm	-	-	(12.710.565.255)	(12.710.565.255)
Số dư tại 31/12/2024	**515.999.990.000**	**15.516.904.967**	**(138.396.744.958)**	**393.120.150.009**
Số dư tại 01/01/2025	**515.999.990.000**	**15.516.904.967**	**(138.396.744.958)**	**393.120.150.009**
Tăng trong kỳ này	-	-	-	-
Giảm trong kỳ này	-	-	**(6.298.923.058)**	**(6.298.923.058)**
Lỗ trong kỳ	-	-	(6.298.923.058)	(6.298.923.058)
Số dư tại 30/06/2025	**515.999.990.000**	**15.516.904.967**	**(144.695.668.016)**	**386.821.226.951**

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Dương Quang Lư	95.460.000.000	95.460.000.000
Vốn góp của cổ đông	420.539.990.000	420.539.990.000
Tổng	**515.999.990.000**	**515.999.990.000**

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	515.999.990.000	515.999.990.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 30 tháng 06	515.999.990.000	515.999.990.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

d. Cổ phiếu

	30/06/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**51.599.999**	**51.599.999**
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	**51.599.999**	**51.599.999**
Cổ phiếu phổ thông	51.599.999	51.599.999
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**51.599.999**	**51.599.999**
Cổ phiếu phổ thông	51.599.999	51.599.999
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	*10.000*	*10.000*

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.222.301.871	2.987.719.462
Tổng	**3.222.301.871**	**2.987.719.462**

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.931.802.532	1.928.540.788
Tổng	**1.931.802.532**	**1.928.540.788**

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	192.368	592.231
Tổng	**192.368**	**592.231**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

6.4 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	5.241.359.667	5.348.047.166
Tổng	**5.241.359.667**	**5.348.047.166**

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024
	VND	VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**2.249.984.219**	**2.002.455.233**
Chi phí nhân viên quản lý	769.477.650	596.677.650
Chi phí đồ dùng văn phòng	353.782.807	342.716.904
Chi phí khấu hao TSCĐ	633.484.544	781.748.271
Thuế, phí và lệ phí	6.000.000	6.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.999.725	194.114.412
Chi phí bằng tiền khác	446.239.493	81.197.996
Tổng	**2.249.984.219**	**2.002.455.233**

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024
	VND	VND
Thu nhập khác		
Thu nhập khác	27.213	400.000
Tổng	**27.213**	**400.000**
Chi phí khác		
Tiền án phí	-	17.170.261
Chi phí khác	98.298.092	22.617.500
Tổng	**98.298.092**	**39.787.761**
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	**(98.270.879)**	**(39.387.761)**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**(6.298.923.058)**	**(6.330.119.255)**
Chi phí không được trừ	98.298.092	39.787.761
Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	(6.200.624.966)	**(6.290.331.494)**
Thuế suất hiện hành	**20%**	**20%**
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Tổng	-	-

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND
Chi phí nhân công	769.477.650	596.677.650
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.565.287.076	2.625.111.477
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.838.119	180.414.832
Chi phí khác bằng tiền	814.183.906	528.792.062
Tổng	**4.181.786.751**	**3.930.996.021**

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Nông nghiệp Hưng Lộc Phát Gia Lai	Công ty con
Công ty CP Nông nghiệp Lumex Việt Nam	Công ty con
Công ty CP Thương Mại - Xuất nhập khẩu Tấn Hưng	Công ty con sở hữu gián tiếp
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này.	Ảnh hưởng đáng kể

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát		**Thù lao, lương**	-	-
Ban Tổng Giám đốc		**Lương**	**247.650.000**	**255.554.750**
Dương Quang Lư	Tổng Giám đốc		85.150.000	80.208.250
Trương Danh Hùng	Phó Tổng Giám đốc		162.500.000	175.346.500
Tổng			**247.650.000**	**255.554.750**

b. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 VND
Trả nợ vay			**1.195.229.925**	**355.000.000**
Dương Quang Lư	Chủ tịch HĐQT	Trả nợ vay	1.195.229.925	355.000.000

c. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu khách hàng			**470.016.100**	**470.016.100**
Công ty CP Nông nghiệp Hưng Lộc Phát Gia Lai	Công ty con	Phải thu khách hàng	470.016.100	470.016.100
Phải thu khác ngắn hạn			**5.146.535.215**	**4.879.492.262**
Công ty CP Nông nghiệp Hưng Lộc Phát Gia Lai	Công ty con	Phải thu khác	93.702.000	90.702.000
Công ty CP Thương Mại - Xuất nhập khẩu Tấn Hưng	Công ty con	Phải thu khác	5.024.487.289	4.763.444.336
Công ty CP Nông nghiệp Lumex Việt Nam	Công ty con	Phải thu khác	28.345.926	25.345.926
Vay dài hạn			**12.138.290.123**	**13.333.520.048**
Dương Quang Lư	Chủ tịch HĐQT	Vay dài hạn	12.138.290.123	13.333.520.048

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Trịnh Thị Diễm	Trịnh Thị Diễm	Đường Quang Lư